

Số: 27/2024/CV-HAGL Agrico  
(V/v giải trình lỗ và biến động lợi nhuận  
sau thuế trên BCTC soát xét bán niên  
2024 so với cùng kỳ)

Gia Lai, ngày 29 tháng 08 năm 2024

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Báo cáo tài chính ("BCTC") riêng và hợp nhất soát xét bán niên 2024 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (mã CK: HNG) giải trình lỗ và biến động lợi nhuận sau thuế trên BCTC Riêng và BCTC Hợp nhất soát xét bán niên 2024 như sau:

DVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	BCTC soát xét bán niên 2024	BCTC soát xét bán niên 2023	Chênh lệch
Lợi nhuận (lỗ) sau thuế trên BCTC riêng	215,5	(4,6)	220,1
Lỗ sau thuế trên BCTC hợp nhất	(363,5)	(247,1)	(116,4)

Lợi nhuận sau thuế trên BCTC tổng hợp soát xét bán niên 2024: **215,5 tỷ đồng**, so với cùng kỳ năm 2023 lỗ **4,6 tỷ đồng**. Nguyên nhân chủ yếu do tỷ giá USD/VND biến động mạnh trong 6 tháng năm 2024 nên Công ty ghi nhận lãi phát sinh chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản công nợ phải thu Công ty con và các đối tượng khác có gốc ngoại tệ.

Lỗ sau thuế trên BCTC hợp nhất soát xét bán niên 2024: **363,5 tỷ đồng**. Nguyên nhân lỗ ảnh hưởng bởi các yếu tố sau:

- Cây ăn trái:** doanh thu 6 tháng năm 2024 chỉ đạt **87 tỷ đồng**, sản lượng **7.193 tấn**, giảm **54%** so với cùng kỳ **15.690 tấn**. Nguyên nhân do trong kỳ Công ty chỉ tập trung chăm sóc và khai thác trên 971 ha diện tích vườn chuối có hiệu quả, so với cùng kỳ là 1.986 ha. Phần diện tích còn lại đã dừng chăm sóc để tập trung nguồn lực tiến hành đầu tư mới đối với hạ tầng kỹ thuật và cơ sở vật chất; đẩy mạnh tập trung vào công tác quy hoạch, đầu tư đồng bộ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh. Theo đó, Công ty xác định và ghi nhận khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho với giá trị 159 tỷ đồng.

- **Cây cao su:** doanh thu 6 tháng năm 2024 chỉ đạt **58 tỷ đồng**, sản lượng **1.721 tấn**. nguyên nhân chủ yếu do tình trạng thiếu công nhân cạo mủ. Bên cạnh đó, chi phí giá vốn vườn cây lớn chủ yếu là chi phí khấu hao dẫn đến doanh thu không bù đắp đủ chi phí.

Trong BCTC hợp nhất soát xét bán niên 2024, kiểm toán viên có nhấn mạnh về khả năng hoạt động liên tục, nguyên nhân: Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần là **363 tỷ đồng**; lỗ lũy kế là **8.466 tỷ đồng**; nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là **10.345 tỷ đồng** và vi phạm một số điều khoản của các khoản vay. Công ty đang tiếp tục triển khai các dự án để đảm bảo dòng tiền hoạt động kinh doanh, thực hiện tái cơ cấu một số khoản nợ và làm việc với các bên liên quan giải quyết công nợ và nhận lại các chứng nhận quyền sử dụng đất các dự án tại Lào và Campuchia, để triển khai pháp lý đầu tư dự án và huy động nguồn vốn để có dòng tiền đầu tư. Trên cơ sở này, Công ty đã lập và trình bày Báo cáo tài chính 6 tháng năm 2024 đáp ứng giả định hoạt động liên tục trong vòng 12 tháng tới.

Trên đây là giải trình lỗ và biến động kết quả sản xuất kinh doanh trên Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất soát xét bán niên 2024 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Hoàng Phi**

**Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế  
Hoàng Anh Gia Lai**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024



# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7 - 8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 54

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và hai mươi (20) GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015 với mã giao dịch là "HNG".

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là trồng và kinh doanh trái cây, cao su và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; chăn nuôi bò; xây dựng công nghiệp và các công trình dân dụng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch
Ông Đoàn Nguyên Đức	Phó Chủ tịch
Ông Trần Bảo Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Phi	Thành viên
Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát ("BKS") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Minh Khoa	Trưởng ban
Ông Đặng Công Trực	Thành viên
Bà Bùi Thị Liễu	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bảo Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Phi	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Bảo Sơn.

Ông Nguyễn Hoàng Phi được Ông Trần Bảo Sơn ủy quyền để ký báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 theo Giấy Ủy quyền số 01/2024/GUQ-TGD HAGL Agrico ngày 1 tháng 1 năm 2024.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Hoàng Phi  
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

Số tham chiếu: 12827243/67746102/LR-HN

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") và các công ty con ("Nhóm Công ty"), được lập ngày 29 tháng 8 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 54, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đi kèm.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.6 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trình bày rằng Nhóm Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần với số tiền là 363.509.036 ngàn VND cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024. Đồng thời, cũng tại ngày này, Nhóm Công ty có khoản lỗ lũy kế với số tiền là 8.465.611.164 ngàn VND và nợ ngắn hạn của Nhóm Công ty đã vượt hơn tài sản ngắn hạn với số tiền 10.345.041.446 ngàn VND. Các điều kiện này cùng với những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh số 2.6 cho thấy có sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Nhóm Công ty.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Hàng Nhật Quang  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 1772-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 30 tháng 6 năm 2024

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>2.486.410.201</b>	<b>2.658.783.434</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>16.147.329</b>	<b>75.967.251</b>
111	1. Tiền		16.147.329	75.967.251
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>242.130.785</b>	<b>600.574.464</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	75.196.921	277.048.612
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	124.321.296	277.155.414
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	114.006.544	115.624.392
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 6, 7	(71.393.976)	(69.253.954)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>2.116.496.251</b>	<b>1.880.825.838</b>
141	1. Hàng tồn kho		2.315.664.776	1.942.077.497
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(199.168.525)	(61.251.659)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>111.635.836</b>	<b>101.415.881</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	16	2.273.735	833.657
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	9	109.076.270	100.296.393
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	9	285.831	285.831
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>13.068.738.908</b>	<b>11.436.995.904</b>
<b>210</b>	<b>I. Khoản phải thu dài hạn</b>		<b>1.403.151.757</b>	<b>909.875.453</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	10	1.403.151.757	909.875.453
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>5.682.859.418</b>	<b>5.585.165.173</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	5.673.910.156	5.576.109.655
222	Nguyên giá		8.858.457.465	8.348.919.143
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.184.547.309)	(2.772.809.488)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	8.949.262	9.055.518
228	Nguyên giá		12.072.092	11.796.351
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.122.830)	(2.740.833)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>5.458.328.219</b>	<b>4.435.299.954</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	5.458.328.219	4.435.299.954
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>15</b>	<b>350.608.832</b>	<b>339.446.064</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		350.608.832	339.446.064
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.594.610	2.594.610
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(2.594.610)	(2.594.610)
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>173.790.682</b>	<b>167.209.260</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	74.585.462	70.207.631
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.3	99.205.220	97.001.629
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>15.555.149.109</b>	<b>14.095.779.338</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2024

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>13.158.281.078</b>	<b>11.840.072.367</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>12.831.451.647</b>	<b>9.609.413.390</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	801.131.063	501.655.381
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	1.399.148.471	1.555.784.364
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9	13.125.809	12.453.131
314	4. Phải trả người lao động		34.456.358	46.549.076
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	1.398.783.876	1.126.175.978
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	165.314.294	156.090.429
320	7. Vay ngắn hạn	21	9.019.491.776	6.210.705.031
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>326.829.431</b>	<b>2.230.658.977</b>
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	19	33.939.083	33.939.083
337	2. Phải trả dài hạn khác	20	174.785.743	173.697.682
338	3. Vay dài hạn	21	118.104.605	2.023.022.212
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>2.396.868.031</b>	<b>2.255.706.971</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>22.1</b>	<b>2.396.868.031</b>	<b>2.255.706.971</b>
411	1. Vốn cổ phần		11.085.538.950	11.085.538.950
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		11.085.538.950	11.085.538.950
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.170.127.000	1.170.127.000
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(1.393.186.755)	(1.897.856.851)
421	4. Lỗ lũy kế		(8.465.611.164)	(8.102.102.128)
421a	- Lỗ sau thuế lũy kế đến cuối kỳ trước		(8.102.102.128)	(7.003.641.410)
421b	- Lỗ sau thuế kỳ này		(363.509.036)	(1.098.460.718)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>15.555.149.109</b>	<b>14.095.779.338</b>



Nguyễn Văn Tiên  
Người lập



Đỗ Vũ Hải Hà  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Phi  
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	147.170.692	278.427.878
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(409.742.781)	(367.130.372)
20	3. Lỗ gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(262.572.089)	(88.702.494)
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	63.165.079	17.623.314
22 23	5. Chi phí tài chính - Trong đó: Chi phí lãi vay	26	(160.889.654) (154.767.616)	(169.759.423) (161.872.174)
24	6. Phần lãi trong công ty liên kết	15.1	11.162.768	14.959.318
25	7. Chi phí bán hàng	27	(5.109.756)	(13.288.553)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(11.501.839)	(40.249.608)
30	9. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(365.745.491)	(279.417.446)
31	10. Thu nhập khác	28	2.223.069	21.332.749
32	11. Chi phí khác	28	(1.956.312)	(3.969.533)
40	12. Lợi nhuận khác		266.757	17.363.216
50	13. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(365.478.734)	(262.054.230)
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(233.893)	(190.425)
52	15. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	29.3	2.203.591	15.151.342
60	16. Lỗ sau thuế TNDN		(363.509.036)	(247.093.313)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
61	17. Lỗ sau thuế của công ty mẹ	22	(363.509.036)	(247.093.313)
70	18. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (VND)	23	(328)	(223)
71	19. Lỗ suy giảm trên cổ phiếu (VND)	23	(328)	(223)



Nguyễn Văn Tiên  
Người lập



Đỗ Vũ Hải Hà  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Phi  
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lỗ kế toán trước thuế</b>		<b>(365.478.734)</b>	<b>(262.054.230)</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn		275.997.241	240.169.286
03	Dự phòng		140.056.888	1.664.008
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(48.125.649)	(8.281.208)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(67.964)	(200.664)
06	Chi phí lãi vay	26	154.767.616	161.872.174
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>157.149.398</b>	<b>133.169.366</b>
09	Giảm các khoản phải thu		434.654.449	458.317.756
10	Tăng hàng tồn kho		(328.743.893)	(467.075.288)
11	Tăng các khoản phải trả		157.238.824	242.594.397
12	Tăng chi phí trả trước		(6.840.332)	(12.157.105)
14	Tiền lãi vay đã trả		(53.249.195)	(104.998.325)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	9	(35.446)	-
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>360.173.805</b>	<b>249.850.801</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(585.933.457)	(250.466.382)
23	Tiền chi cho đơn vị khác vay		(691.862.989)	(275.087.498)
27	Lãi tiền gửi		67.964	31.701
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(1.277.728.482)</b>	<b>(525.522.179)</b>



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay	21	1.476.849.993	917.440.000
34	Tiền trả nợ gốc vay	21	(619.115.238)	(661.806.338)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		<b>857.734.755</b>	<b>255.633.662</b>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		<b>(59.819.922)</b>	<b>(20.037.716)</b>
60	Tiền đầu kỳ		<b>75.967.251</b>	<b>27.802.937</b>
70	Tiền cuối kỳ	4	<b>16.147.329</b>	<b>7.765.221</b>



Nguyễn Văn Tiên  
Người lập



Đỗ Vũ Hải Hà  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Phi  
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 5900712753 do SKHĐT Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và hai mươi (20) GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015 với mã giao dịch là "HNG".

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm công ty") là trồng và kinh doanh trái cây, cao su và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; chăn nuôi bò; xây dựng công nghiệp và các công trình dân dụng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên ký kết hợp đồng lao động của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 5.506 (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 5.752).

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có năm (5) công ty con trực tiếp, hai (2) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết. Chi tiết như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)
<b>Công ty con</b>				
(1) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu ("HA Attapeu")	Nông nghiệp và xây dựng	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100
(2) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh ("HAQM Lào")	Nông nghiệp	Sekong, Lào	Đang hoạt động	100
(3) Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri ("HA Rattanakiri")	Nông nghiệp	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100
(4) Công ty TNHH Heng Brothers ("Heng Brothers")	Nông nghiệp	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100
(5) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Oyadav ("HA Oyadav")	Nông nghiệp	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100
(6) Công ty TNHH CRD ("CRD")	Nông nghiệp	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100
(7) Công ty TNHH MTV Đầu tư và Sản xuất Kinh doanh Nông nghiệp Nam Lào ("Nam Lào") (*)	Nông nghiệp và xây dựng	Attapeu, Lào	Trước hoạt động	100

**Công ty liên kết**

(1) Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar ("Bidiphar")	Nông nghiệp	Bình Định, Việt Nam	Đang hoạt động	49,14
--	-------------	---------------------	----------------	-------

(\*) Nam Lào được thành lập ngày 5 tháng 1 năm 2024 theo GCNĐKKD số 0005/ĐKDN cấp bởi Cơ quan đăng ký doanh nghiệp, Sở Công nghiệp và Thương mại tỉnh Attapeu, Lào và Giấy Chứng nhận Đầu tư số 002-2024/KHĐT.ĐT4 cấp bởi Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào, để thực hiện dự án đầu tư sản xuất trồng trọt cây ăn trái kết hợp chăn nuôi bò quy mô lớn tại tỉnh Attapeu và tỉnh Sekong, Lào.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND").

### 2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.6 Giả định hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Nhóm Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Nhóm Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Như được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Nhóm Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần là 363.509.036 ngàn VND cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024. Đồng thời, cũng vào ngày này, Nhóm Công ty có khoản lỗ lũy kế là 8.465.611.164 ngàn VND và nợ ngắn hạn của Nhóm Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 10.345.041.446 ngàn VND. Hơn nữa, vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Nhóm Công ty đã vi phạm một số điều khoản của các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 21.3 và 21.4 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Nhóm Công ty.

Tuy nhiên, tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đang thực hiện đồng thời các giải pháp để giải quyết các vấn đề nêu trên. Cụ thể, Nhóm Công ty đang tiếp tục triển khai các dự án để đảm bảo dòng tiền cho hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty, thực hiện tái cơ cấu một số khoản nợ và đang đàm phán với các bên cho vay để điều chỉnh các điều khoản đã bị vi phạm của các hợp đồng vay có liên quan. Trước đó, vào ngày 3 tháng 8 năm 2018, Nhóm Công ty cũng đã ký kết Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư Chiến lược với Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Hải ("Thaco"), rằng Thaco cam kết sẽ hỗ trợ Nhóm Công ty trong việc tái cơ cấu tài chính và huy động vốn tài trợ cho các dự án nông nghiệp thuộc sở hữu của Nhóm Công ty. Ngoài ra, vào ngày 1 tháng 1 năm 2024, Nhóm Công ty cũng đã ký kết Hợp đồng Bao tiêu Nông sản với Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải ("Thaco Agri"), theo đó, Thaco Agri hỗ trợ mua và phân phối nông sản của Nhóm Công ty. Trên cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc vẫn tiến hành lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty không được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

**3.2 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |  |   |
|--|---|
| Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa      | - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.   |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - Chi phí nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường. |

#### *Chi phí công trình dở dang - Hợp đồng xây dựng*

Chi phí công trình dở dang xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Nhóm Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là chi phí công trình dở dang - Hợp đồng xây dựng theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của chi phí công trình dở dang bao gồm:

- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của chi phí công trình dở dang trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của chi phí công trình dở dang đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành công trình dở dang đó và chi phí chung được phân bổ trên hạng mục hoàn tất tương ứng của công trình dở dang đó.

#### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Nhóm Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được trích hao mòn theo thời gian thuê còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	6 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 23 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 40 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Cây trồng lâu năm	10 - 20 năm
Chương trình phần mềm	5 - 8 năm
Già súc chăn nuôi	8 năm
Tài sản khác	10 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích hao mòn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.6 Khấu hao và hao mòn (tiếp theo)**

*Khấu hao các loại cây trồng lâu năm*

Chi tiết như sau:

Năm khai thác	Tỷ lệ khấu hao (%)			
	Vườn cây cao su (i)	Vườn cây chuối (ii)	Vườn mít (iii)	Vườn xoài (iv)
Năm thứ 1	2,50	10,00	0,80	0,30
Năm thứ 2	2,80	10,00	1,80	1,00
Năm thứ 3	3,50	10,00	4,10	2,20
Năm thứ 4	4,40	10,00	5,80	4,30
Năm thứ 5	4,80	10,00	5,80	5,80
Năm thứ 6	5,40	10,00	5,80	5,80
Năm thứ 7	5,40	10,00	5,80	5,80
Năm thứ 8	5,10	10,00	5,80	5,80
Năm thứ 9	5,10	10,00	5,80	5,80
Năm thứ 10	5,00	Giá trị còn lại	5,80	5,80
Năm thứ 11	7,00		5,80	5,80
Năm thứ 12	6,60		5,80	5,80
Năm thứ 13	6,20		5,80	5,80
Năm thứ 14	5,90		5,80	5,80
Năm thứ 15	5,50		5,80	5,80
Năm thứ 16	5,40		4,70	5,80
Năm thứ 17	5,00		4,70	5,80
Năm thứ 18	5,50		4,70	5,80
Năm thứ 19	5,20		4,70	5,80
Năm thứ 20	Giá trị còn lại		Giá trị còn lại	Giá trị còn lại

*Vườn cây cao su*

Ban Tổng Giám đốc ước tính tiêu chuẩn xác định vườn cây đủ điều kiện khai thác để hạch toán tài sản và trích khấu hao khi tỷ lệ cây đủ tiêu chuẩn cạo mủ (chu vi thân cây đo cách mặt đất 1m đạt từ 45cm trở lên và độ dày vỏ ở độ cao 1m cách mặt đất đạt từ 6mm trở lên) đạt trên 70% số cây còn sống trong lô.

*Vườn cây ăn trái*

Ban Tổng Giám đốc ước tính tiêu chuẩn xác định vườn cây đủ điều kiện khai thác để hạch toán tài sản và trích khấu hao khi tỷ lệ đậu trái đạt trên 50% số cây trồng trong lô kể từ thời gian xử lý ra trái.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.6 *Khấu hao và hao mòn* (tiếp theo)

*Khấu hao các loại cây trồng lâu năm* (tiếp theo)

- (i) Khấu hao đối với vườn cây cao su được thực hiện dựa trên Công văn số 1937/BTC-TCDN ngày 9 tháng 2 năm 2010 của Cục Tài chính Doanh nghiệp - Bộ Tài chính hướng dẫn trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ-CSVN ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác hai mươi (20) năm.
- (ii) Khấu hao đối với vườn cây chuối được thực hiện dựa trên Quyết định số 0106/QĐ-HAGL Agrico ngày 1 tháng 6 năm 2020 của Ban Tổng Giám đốc hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây chuối theo chu kỳ khai thác.
- (iii) Khấu hao đối với vườn mít được thực hiện dựa trên Quyết định số 0111/QĐ-HAGL Agrico ngày 1 tháng 11 năm 2018 của Ban Tổng Giám đốc hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây mít theo chu kỳ khai thác.
- (iv) Khấu hao đối với vườn xoài được thực hiện dựa trên Quyết định số 0101/18/QĐ-HAGL Agrico ngày 2 tháng 1 năm 2018 của Ban Tổng Giám đốc hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây xoài theo chu kỳ khai thác.
- (v) Khấu hao đối với các vườn cây còn lại được thực hiện dựa trên các Quyết định khác có liên quan của Ban Tổng Giám đốc.

#### 3.7 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng và phát triển nhà xưởng, văn phòng, vật kiến trúc, vườn cây cao su và các vườn cây khác của Nhóm Công ty mà chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

*Nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc*

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc của Nhóm Công ty như chi phí xây dựng, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí có liên quan khác.

*Vườn cây*

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây cao su, vườn cây ăn quả và các vườn cây khác như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí có liên quan khác.

*Dự án chăn nuôi*

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển dự án chăn nuôi.

#### 3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm tiền lãi vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các năm mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.9 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

*Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

#### 3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất trả trước, các chi phí phát triển vườn cây ngắn ngày và các chi phí khác. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ:

- Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn, được phân bổ dần không quá ba (3) năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ;
- Chi phí phát triển cây ăn quả, vườn cây khác, chi phí khai hoang bao gồm: chi phí giống, chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn. Các chi phí này được phân bổ theo thời gian gắn liền với đặc tính sinh trưởng của từng loại cây; và
- Chi phí dự án chăn nuôi.

#### 3.11 Các khoản đầu tư

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

*Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)*

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của Nhóm Công ty trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được hoặc lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.13 Dự phòng

Nhóm Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Nhóm Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

#### 3.14 Lãi (lỗ) trên cổ phiếu

Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Nhóm Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

***Chuyển đổi báo cáo tài chính giữa niên độ của cơ sở hoạt động ở nước ngoài***

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND, cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ, được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ;
- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá bình quân trong kỳ; và
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi khoản đầu tư được thanh lý.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Nhóm Công ty đã quy đổi các báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con sử dụng đồng tiền kế toán bằng USD và KHR theo các tỷ giá như sau:

- USD/VND: tỷ giá tài sản: 25.253; tỷ giá nợ phải trả: 25.473 (31 tháng 12 năm 2023: tỷ giá tài sản: 24.110; tỷ giá nợ phải trả: 24.410); và
- KHR/VND: tỷ giá tài sản: 6,11; tỷ giá nợ phải trả: 6,38 (31 tháng 12 năm 2023: tỷ giá tài sản: 5,85; tỷ giá nợ phải trả: 6,11).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.16 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### 3.17 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

##### *Hợp đồng xây dựng*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày cuối năm. Các khoản tăng hoặc giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong khi các chi phí này đã phát sinh.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### 3.18 *Thuế*

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.18 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải nộp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.19 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**3.20 Thông tin bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được xác định dựa trên việc bán các sản phẩm (trồng cây, thương mại và dịch vụ). Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty dựa theo địa điểm của tài sản.

**4. TIỀN**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Tiền mặt	1.481.119	1.912.237
Tiền gửi ngân hàng	14.666.210	74.055.014
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>16.147.329</b>	<b>75.967.251</b>

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	75.196.921	71.319.858
- Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Cánh Đồng Vàng ("Cánh Đồng Vàng")	24.541.653	24.541.653
- Zhengzhou Tai Wang Import and Export Trade Co., Ltd	21.981.764	20.986.827
- Các khách hàng khác	28.673.504	25.791.378
Phải thu từ hoạt động xây dựng sân bay cho Chính phủ Lào	-	205.728.754
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>75.196.921</b>	<b>277.048.612</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(67.598.168)	(65.490.646)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>7.598.753</b>	<b>211.557.966</b>
Trong đó:		
Phải thu các bên liên quan (TM số 30)	3.197.990	69.660
Phải thu bên khác	4.400.763	211.488.306

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)**

*Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi:*

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Số đầu kỳ	65.490.646	53.776.923
Dự phòng trích lập trong kỳ	2.313.565	139.909
Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(206.043)	-
Số cuối kỳ	<u>67.598.168</u>	<u>53.916.832</u>

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	40.149.405	220.003.263
- Thaco Agri	-	199.234.120
- Khác	40.149.405	20.769.143
Trả trước cho nhà thầu xây dựng và mua máy móc thiết bị	84.171.891	57.152.151
- 455 Complete Construction Service Sole Co., Ltd	14.935.267	1.931.347
- Khác	69.236.624	55.220.804
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>124.321.296</b>	<b>277.155.414</b>
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn	(3.763.308)	(3.763.308)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>120.557.988</b>	<b>273.392.106</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trả trước cho các bên liên quan (TM số 30)</i>	632.702	199.838.185
<i>Trả trước cho các bên khác</i>	119.925.286	73.553.921

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải thu các bên liên quan từ việc cản trừ công nợ	95.845.032	87.094.861
Tạm ứng cho nhân viên	12.852.038	12.516.775
Khác	5.309.474	16.012.756
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>114.006.544</b>	<b>115.624.392</b>
Dự phòng phải thu khác ngắn hạn	(32.500)	-
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>113.974.044</b>	<b>115.624.392</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu từ các bên liên quan (TM số 30)</i>	93.487.791	87.273.903
<i>Phải thu từ các bên khác</i>	20.486.253	28.350.489

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**8. HÀNG TỒN KHO**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.989.164.659	1.634.224.398
<i>Trong đó:</i>		
<i>Hợp đồng xây dựng (i)</i>	1.169.249.138	1.057.963.082
<i>Hoạt động sản xuất, trồng trọt (ii)</i>	819.915.521	576.261.316
Nguyên vật liệu	283.529.213	265.784.804
Công cụ, dụng cụ	34.801.823	28.405.951
Thành phẩm	8.169.081	13.662.344
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.315.664.776</b>	<b>1.942.077.497</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(199.168.525)	(61.251.659)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>2.116.496.251</b>	<b>1.880.825.838</b>

- (i) Số dư này chủ yếu thể hiện khoản chi phí xây dựng sân bay dở dang theo Hợp đồng Xây dựng Sân bay Quốc tế Nongkhang tại tỉnh Huaphan, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào số LAO - NKP01, ngày 15 tháng 6 năm 2013. Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Nhóm Công ty đã cơ bản hoàn thiện việc xây dựng sân bay Quốc tế Nongkhang và đang trong quá trình thực hiện một số công việc còn lại nhằm hoàn tất việc nghiệm thu và quyết toán dự án.
- (ii) Một phần chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (hoạt động sản xuất, trồng trọt) được dùng để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (TM số 21).

*Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:*

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Số đầu kỳ	61.251.659	22.745.601
Dự phòng trích lập trong kỳ	159.784.363	11.633.870
Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(21.867.497)	(10.263.047)
Số cuối kỳ	199.168.525	24.116.424

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢP NHÀ NƯỚC**

	Ngàn VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2024
<b>Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	100.296.393	21.948.376	(13.168.499)	109.076.270
Thuế khác	285.831	3.000	(3.000)	285.831
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>100.582.224</b>	<b>21.951.376</b>	<b>(13.171.499)</b>	<b>109.362.101</b>
<b>Phải nộp</b>				
Thuế TNDN (TM số 29.1)	10.712.510	707.257	(35.446)	11.384.321
Thuế thu nhập cá nhân	619.211	2.751.415	(2.794.167)	576.459
Thuế khác	1.121.410	141.577	(97.958)	1.165.029
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.453.131</b>	<b>3.600.249</b>	<b>(2.927.571)</b>	<b>13.125.809</b>

**10. PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Cho vay Chính phủ Lào (*)	1.403.151.757	667.928.178
Cho vay các bên liên quan (TM số 30)	-	241.947.275
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.403.151.757</b>	<b>909.875.453</b>

(\*) Đây là khoản cho Chính phủ Lào vay không lãi suất nhằm hỗ trợ việc xây dựng Sân bay Quốc tế Nongkhang tại Tỉnh Huaphan và Sân bay Quốc tế Attapeu tại Tỉnh Attapeu, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Khoản cho vay này sẽ được cân trừ với tiền thuế, tiền thuê đất và các nghĩa vụ phải trả khác mà Nhóm Công ty phải nộp cho Chính phủ Lào trong tương lai hoặc được Chính phủ Lào hoàn trả lại bằng tiền.

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Cây trồng lâu năm	Gia súc chăn nuôi	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>								
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	5.928.860.841	-	1.194.213.991	906.287.648	309.562.617	3.188.699	6.805.347	8.348.919.143
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	189.122	110.119.705	7.924.477	-	1.219.242	-	-	119.452.546
Mua mới	-	-	2.979.854	-	2.514.197	50.105	-	5.544.156
Chênh lệch tỷ giá	246.493.116	25.377.300	56.301.369	41.671.578	14.365.083	10.549	322.625	384.541.620
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	6.175.543.079	135.497.005	1.261.419.691	947.959.226	327.661.139	3.249.353	7.127.972	8.858.457.465
<b>Trong đó:</b>								
Đã khấu hao hết	61.317.472	-	191.876.122	34.812.661	113.643.367	-	3.410.864	405.060.486
<b>Khấu hao lũy kế</b>								
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	(1.620.611.910)	-	(552.238.916)	(418.360.036)	(174.090.560)	(2.683.770)	(4.824.296)	(2.772.809.488)
Khấu hao trong kỳ	(201.631.027)	(7.137.285)	(39.127.236)	(26.470.206)	(10.698.115)	(288.669)	(132.845)	(285.485.383)
Chênh lệch tỷ giá	(73.342.891)	297.657	(25.882.756)	(19.141.673)	(7.947.944)	(6.115)	(228.716)	(126.252.438)
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	(1.895.585.828)	(6.839.628)	(617.248.908)	(463.971.915)	(192.736.619)	(2.978.554)	(5.185.857)	(3.184.547.309)
<b>Giá trị còn lại</b>								
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	4.308.248.931	-	641.975.075	487.927.612	135.472.057	504.929	1.981.051	5.576.109.655
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	4.279.957.251	128.657.377	644.170.783	483.987.311	134.924.520	270.799	1.942.115	5.673.910.156

Một phần tài sản cố định hữu hình đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty (TM số 21).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Ngàn VND		
	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	5.737.607	6.058.744	11.796.351
Chênh lệch tỷ giá	<u>272.006</u>	<u>3.735</u>	<u>275.741</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>6.009.613</u>	<u>6.062.479</u>	<u>12.072.092</u>
<b>Hao mòn lũy kế</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	-	(2.740.833)	(2.740.833)
Hao mòn trong kỳ	<u>-</u>	<u>(381.997)</u>	<u>(381.997)</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>-</u>	<u>(3.122.830)</u>	<u>(3.122.830)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>5.737.607</u>	<u>3.317.911</u>	<u>9.055.518</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>6.009.613</u>	<u>2.939.649</u>	<u>8.949.262</u>

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Chi phí phát triển vườn cây ăn trái	3.074.353.396	2.497.040.945
Chi phí phát triển vườn cây cao su	977.301.781	812.436.261
Nhà cửa và vật kiến trúc	590.856.132	493.727.094
Dự án nuôi bò	485.704.159	346.528.003
Các công trình khác	<u>330.112.751</u>	<u>285.567.651</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.458.328.219</u></b>	<b><u>4.435.299.954</u></b>

Một phần chi phí xây dựng cơ bản đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty (TM số 21).

**14. CHI PHÍ LÃI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA**

Trong kỳ, Nhóm Công ty đã vốn hóa chi phí lãi vay với tổng giá trị là 127.865.016 ngàn VND vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang (cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023: 114.072.893 ngàn VND). Các khoản chi phí lãi vay này phát sinh từ các khoản vay để tài trợ vốn cho việc phát triển vườn cây cao su, cây ăn trái và các dự án khác.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Đầu tư vào công ty liên kết (TM số 15.1)	350.608.832	339.446.064
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (TM số 15.2)	2.594.610	2.594.610
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>353.203.442</b>	<b>342.040.674</b>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(2.594.610)	(2.594.610)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>350.608.832</b>	<b>339.446.064</b>

**15.1 Đầu tư vào công ty liên kết**

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá trị ghi sổ Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá trị ghi sổ Ngàn VND
Bidiphar	Trồng, khai thác và chế biến các sản phẩm từ cây cao su	49,14	350.608.832	49,14	339.446.064

Giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

	Ngàn VND Bidiphar
<b>Giá trị đầu tư</b>	
Ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2024	286.004.636
<b>Phần lãi lũy kế sau khi đầu tư</b>	
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	53.441.428
Phần lãi từ công ty liên kết được chia trong kỳ	11.162.768
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	64.604.196
<b>Giá trị còn lại</b>	
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	339.446.064
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	350.608.832

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**15.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2024		
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá trị đầu tư Ngàn VND	Dự phòng Ngàn VND
Cánh Đồng Vàng	Kinh doanh cây ăn trái	15,00	2.594.610	(2.594.610)

**16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.273.735</b>	<b>833.657</b>
Công cụ, dụng cụ	1.307.306	613.071
Chi phí khác	966.429	220.586
<b>Dài hạn</b>	<b>74.585.462</b>	<b>70.207.631</b>
Chi phí khai hoang	36.592.658	35.473.885
Công cụ, dụng cụ	28.421.593	25.462.193
Chi phí khác	9.571.211	9.271.553
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>76.859.197</b>	<b>71.041.288</b>

**17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải trả người bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	422.729.890	276.467.794
- Thaco Agri	255.730.503	12.423.013
- Công ty TNHH Cơ điện lạnh Thaco Industries	70.523.035	56.481.675
- Khác	96.476.352	207.563.106
Phải trả người bán mua tài sản cố định	259.403.837	145.629.572
Phải trả nhà thầu xây dựng	70.172.388	37.501.287
Phải trả người bán mua máy móc, thiết bị	37.024.200	30.337.400
Phải trả khác	11.800.748	11.719.328
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>801.131.063</b>	<b>501.655.381</b>
Trong đó:		
Phải trả các bên liên quan (TM số 30)	677.413.519	397.146.988
Phải trả các bên khác	123.717.544	104.508.393

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ứng trước từ bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	955.365.703	1.531.884.458
- Thaco Agri	935.039.269	1.511.858.061
- Khác	20.326.434	20.026.397
Ứng trước từ hoạt động xây dựng sân bay cho Chính phủ Lào (i)	418.842.075	-
Khác	24.940.693	23.899.906
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.399.148.471</b>	<b>1.555.784.364</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên liên quan trả tiền trước (TM số 30)</i>	935.039.269	1.511.858.061
<i>Các bên khác trả tiền trước</i>	464.109.202	43.926.303

(i) Số dư này thể hiện khoản ứng trước từ Chính phủ Lào về việc xây dựng sân bay quốc tế Nongkhang tại tỉnh Huaphan, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

**19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.398.783.876</b>	<b>1.126.175.978</b>
Chi phí lãi vay	1.367.936.108	1.092.674.678
Chi phí hoạt động	26.573.427	32.375.603
Chi phí khác	4.274.341	1.125.697
<b>Dài hạn</b>	<b>33.939.083</b>	<b>33.939.083</b>
Chi phí lãi vay	33.939.083	33.939.083
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.432.722.959</b>	<b>1.160.115.061</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan (TM số 30)</i>	819.808.525	581.824.344
<i>Phải trả các bên thứ ba</i>	612.914.434	578.290.717

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Ngắn hạn</b>	<b>165.314.294</b>	<b>156.090.429</b>
Phải trả tiền thuê đất	115.770.444	101.454.835
Phải trả khác	49.543.850	54.635.594
<b>Dài hạn</b>	<b>174.785.743</b>	<b>173.697.682</b>
Phải trả tiền thuê đất	138.872.979	142.117.025
Phải trả khác	35.912.764	31.580.657
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>340.100.037</b>	<b>329.788.111</b>
Trong đó:		
Phải trả các bên liên quan (TM số 30)		
- Ngắn hạn	24.566.090	18.382.358
- Dài hạn	9.775.651	10.448.887
Phải trả các bên thứ ba	305.758.296	300.956.866

**21. VAY**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Ngắn hạn</b>	<b>9.019.491.776</b>	<b>6.210.705.031</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng (TM số 21.1)	499.999.500	500.000.000
Vay ngắn hạn bên liên quan (TM số 21.2 và 30)	272.740.518	272.740.518
Vay dài hạn bên liên quan đến hạn trả (TM số 21.3 và 30)	7.204.644.021	4.394.501.662
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (TM số 21.4)	1.042.107.737	1.043.462.851
<b>Dài hạn</b>	<b>118.104.605</b>	<b>2.023.022.212</b>
Vay dài hạn ngân hàng (TM số 21.4)	118.104.605	118.104.605
Vay dài hạn bên liên quan (TM số 21.3 và 30)	-	1.904.917.607
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.137.596.381</b>	<b>8.233.727.243</b>

Tình hình tăng giảm các khoản vay như sau:

	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn	Ngàn VND Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	6.210.705.031	2.023.022.212	8.233.727.243
Tiền thu từ đi vay	442.000.000	1.034.849.993	1.476.849.993
Vay dài hạn đến hạn trả	2.809.767.600	(2.809.767.600)	-
Chênh lệch tỷ giá	46.134.383	-	46.134.383
Tiền chi trả nợ gốc vay	(489.115.238)	(130.000.000)	(619.115.238)
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>9.019.491.776</u>	<u>118.104.605</u>	<u>9.137.596.381</u>

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 21. VAY (tiếp theo)

### 21.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết của khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("TPBank"), Chi nhánh Hà Nội	499.999.500 Ngàn VND	Từ ngày 4 tháng 7 năm 2024 đến ngày 28 tháng 3 năm 2025	Lãi suất thay đổi hàng quý bằng lãi suất cơ sở kỳ hạn 3 tháng của TPBank + 2,35%/năm (6 tháng 2024: 7,3% - 9%/năm)	<ul style="list-style-type: none"><li>- Tài sản thuộc sở hữu của Eastern Rubber Co., Ltd (Cambodia), công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT, đã, đang và sẽ hình thành trên đất theo giấy chuyển nhượng quyền sở hữu đất tổ nhượng kinh tế số Kor Ror 0185 có diện tích 925 ha tại Campuchia;</li><li>- Quyền khai thác, tài sản gắn liền 453,7 ha đất trồng trái cây; và quyền khai thác, tài sản gắn liền với đất (bao gồm toàn bộ cây trồng, công trình gắn liền với đất, tài sản khác) và lợi ích từ việc khai thác đất, tài sản gắn liền với đất đã và đang hình thành trên tổng diện tích 71,4 ha tại Bản Houy Kong, Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng, công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT; và</li><li>- Quyền khai thác, tài sản gắn liền với đất (bao gồm toàn bộ cây trồng, công trình gắn liền với đất và các tài sản khác) và lợi ích từ việc khai thác đất, tài sản gắn liền với đất đã và đang hình thành trên tổng diện tích 148 ha tại Bản Hatsan, Huyện Saysetha, Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Khán Xay, công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT.</li></ul>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21 VAY (tiếp theo)**

**21.2 Vay ngắn hạn từ bên liên quan**

Nhóm Công ty vay tín chấp ngắn hạn từ bên liên quan nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm
Thaco Agri	<u>272.740.518</u>	Từ ngày 1 tháng 4 năm 2025 đến ngày 13 tháng 5 năm 2025	6,5

**21.3 Vay dài hạn bên liên quan**

Nhóm Công ty vay tín chấp dài hạn từ bên liên quan nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm
Thaco Agri	6.081.564.070	Từ ngày 20 tháng 7 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025	8
HAG (*)	1.123.079.951	Từ ngày 30 tháng 12 năm 2023 đến ngày 30 tháng 9 năm 2024	0
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.204.644.021</u></b>		

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả 7.204.644.021

(\*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Nhóm Công ty chưa thanh toán khoản vay quá hạn với số tiền là 100.000.000 ngàn VND. Tuy nhiên, tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Nhóm Công ty đã thanh toán khoản vay quá hạn này.

**21.4 Vay dài hạn ngân hàng**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Mục đích vay
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt ("LaoVietBank")	634.225.164	650.410.971	Tài trợ dự án cao su, cọ dầu và nuôi bò
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	355.392.573	340.561.880	Tài trợ dự án cao su, cọ dầu và bổ sung vốn lưu động
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank")	170.594.605	170.594.605	Tài trợ dự án cao su và bổ sung vốn lưu động
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.160.212.342</u></b>	<b><u>1.161.567.456</u></b>	

Trong đó:

Vay dài hạn 118.104.605 118.104.605  
Vay dài hạn đến hạn trả 1.042.107.737 1.043.462.851

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 21. VAY (tiếp theo)

### 21.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (TM số 8, 10 và 12)
	Ngân VND	Nguyên tệ			
Lao VietBank, Chi nhánh Attapeu					
Khoản vay 1 (i)	262.611.323	10.309.399	Từ ngày 25 tháng 5 năm 2020 đến ngày 25 tháng 8 năm 2022	9	- Trụ sở làm việc của HA Attapeu tại Km 31, Bản Hatxan, Huyện Xaysettha, Tỉnh Attapeu, Lào theo bản đồ đất số 17 001 0008 với diện tích đất 0,3 ha; và
Khoản vay 2 (ii)	217.077.607	32.177.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	9	- Nhà máy chế biến mù cưa su tại Huyện Saysettha, Tỉnh Attapeu, Lào và toàn bộ đàn bò nhập khẩu thuộc sở hữu của HA Attapeu.
Khoản vay 3 (iii)	154.536.234	6.066.668	Từ ngày 25 tháng 7 năm 2021 đến ngày 3 tháng 10 năm 2024	9	Quyền sử dụng và khai thác 4.733,01 ha cao su và 3.155,79 ha cọ dầu và toàn bộ các công trình hỗ trợ tại Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của HA Attapeu.
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>634.225.164</b>				Quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của HA Quang Minh với tổng diện tích 1.313,89 ha và quyền khai thác 749,5 ha cây ăn trái.

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả

634.225.164

(i) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, toàn bộ số bò được thế chấp từ năm 2015 đã không còn và Nhóm Công ty chưa thanh toán khoản vay đúng theo thời hạn trên. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Nhóm Công ty đang trình quá trình hoàn thiện các thủ tục cần thiết để tái cơ cấu khoản vay này với lịch thanh toán mới kéo dài từ năm 2023 đến năm 2028.

(ii) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, diện tích cọ dầu thực tế đang thấp hơn diện tích cam kết trong Hợp đồng Tín dụng. Đồng thời, Nhóm Công ty chưa thanh toán khoản vay đúng theo thời hạn trên. Tuy nhiên, tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Nhóm Công ty đã có kế hoạch thanh toán khoản vay nội trên.

## Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 21. VAY (tiếp theo)

#### 21.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

(iii) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Nhóm Công ty chưa thanh toán khoản vay quá hạn với số tiền là 128.044.318 ngàn VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Nhóm Công ty đang trình hoàn thiện các thủ tục cần thiết để tái cơ cấu khoản vay này với lịch thanh toán mới kéo dài từ năm 2023 đến năm 2028, và đã tiến hành thanh toán đủ gốc và lãi theo lịch thanh toán mới này.

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 Ngàn VND	Nguyên tệ USD	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp
					(TM số 8, 10 và 12)
BIDV, Chi nhánh Bình Định (*)	355.392.573	13.951.736	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Lãi suất huy động - tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 2%/năm được điều chỉnh 3 tháng/ lần (6 tháng 2024: 6,0%)	- 119 căn hộ thuộc cao ốc văn phòng và nhà ở cao cấp HAGL tại Số 6, Đường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của HAG;  - Nhà máy đá Granit HAGL dọc theo Quốc lộ 14, Xã Ia Băng, Huyện Đăk Đoa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của HAG;  - Quyền sử dụng đất tại Phường Phù Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam với diện tích 6.993,2 m <sup>2</sup> thuộc sở hữu của HAG; và  - Quyền sử dụng và khai thác 4.733,01 ha cao su và 3.155,79 ha cọ dầu tại Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của HA Attapeu.
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>355.392.573</b>				
Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả	355.392.573				

(\*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, diện tích cao su và cọ dầu mà Nhóm Công ty thực tế trồng đang thấp hơn diện tích cam kết trong Hợp đồng Tín dụng. Đồng thời, Nhóm Công ty chưa thanh toán khoản vay đúng theo thời hạn trên. Tuy nhiên, tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Nhóm Công ty đã thanh toán khoản vay nói trên.



# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 21. VAY (tiếp theo)

### 21.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp
Sacombank, Chi nhánh Sài Gòn (*)	<u>170.594.605</u>	Từ ngày 24 tháng 12 năm 2024 đến ngày 24 tháng 12 năm 2026	Lãi suất tiết kiệm của Sacombank kỳ hạn 13 tháng lãi trả sau + 2%/năm được điều chỉnh 3 tháng/lần (6 tháng 2024: 10,05 - 11,05%)	23,2 triệu cổ phiếu HAG sở hữu bởi Ông Đoàn Nguyên Đức và 14,5 triệu cổ phiếu Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh Quang Minh, sở hữu bởi Thaco Agri.

Trong đó:

Vay dài hạn 118.104.605  
Vay dài hạn đến hạn trả 52.490.000

(\*) Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Nhóm Công ty đã thanh toán khoản vay trên.

## Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 22.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lỗi lũy kế	Ngân VND
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>					
Ngày 1 tháng 1 năm 2023	11.085.538.950	1.170.127.000	(2.217.695.545)	(7.003.497.410)	3.034.472.995
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(247.093.313)	(247.093.313)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	1.143.669	-	1.143.669
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	11.085.538.950	1.170.127.000	(2.216.551.876)	(7.250.590.723)	2.788.523.351
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</b>					
Ngày 1 tháng 1 năm 2024	11.085.538.950	1.170.127.000	(1.897.856.851)	(8.102.102.128)	2.255.706.971
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(363.509.036)	(363.509.036)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	504.670.096	-	504.670.096
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	11.085.538.950	1.170.127.000	(1.393.186.755)	(8.465.611.164)	2.396.868.031

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**22.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	<u>11.085.538.950</u>	<u>11.085.538.950</u>

**22.3 Cổ phiếu**

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.108.553.895	1.108.553.895
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.108.553.895	1.108.553.895
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.108.553.895	1.108.553.895

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

**23. LỖ TRÊN CỔ PHIẾU**

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lỗ cơ bản và lỗ suy giảm trên cổ phiếu:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Lỗ sau thuế thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (ngàn VND)	(363.509.036)	(247.093.313)
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	1.108.553.895	1.108.553.895
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ đã được điều chỉnh do các yếu tố suy giảm	<u>1.108.553.895</u>	<u>1.108.553.895</u>
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (VND)	(328)	(223)
Lỗ suy giảm trên cổ phiếu (VND)	(328)	(223)

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**24. DOANH THU**

**24.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Doanh thu bán trái cây	87.226.722	225.226.934
Doanh thu bán mủ cao su	57.953.087	51.023.923
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ	1.788.702	1.180.444
Doanh thu bán hàng hóa	202.181	996.577
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b>147.170.692</b>	<b>278.427.878</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thuần với các bên liên quan	129.143.289	267.014.476
Doanh thu thuần với các bên khác	18.027.403	11.413.402

**24.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	63.097.115	17.591.613
Lãi tiền gửi ngân hàng	67.964	31.701
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>63.165.079</b>	<b>17.623.314</b>

**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Giá vốn trái cây đã bán	291.403.109	289.501.131
Giá vốn mủ cao su đã bán	116.554.220	74.271.335
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	1.583.549	1.272.133
Giá vốn hàng hóa	201.903	2.085.773
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>409.742.781</b>	<b>367.130.372</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí lãi vay	154.767.616	161.872.174
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.281.494	5.804.448
Khác	2.840.544	2.082.801
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>160.889.654</u></b>	<b><u>169.759.423</u></b>

**27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>5.109.756</b>	<b>13.288.553</b>
Chi phí nhân viên	2.115.892	2.272.887
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.079.346	10.655.700
Khác	914.518	359.966
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>11.501.839</b>	<b>40.249.608</b>
Chi phí nhân viên	4.368.215	27.022.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.977.973	4.157.680
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.005.990	2.487.897
Khác	3.149.661	6.581.431
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>16.611.595</u></b>	<b><u>53.538.161</u></b>

**28. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>2.223.069</b>	<b>21.332.749</b>
Thu bán phế liệu	1.441.839	168.963
Xóa sổ các khoản phải trả	781.230	21.163.786
<b>Chi phí khác</b>	<b>1.956.312</b>	<b>3.969.533</b>
Khấu hao tài sản ngưng sử dụng	874.109	1.488.798
Chi phí xóa sổ tài sản không hiệu quả	-	1.387.005
Khác	1.082.203	1.093.730
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b><u>266.757</u></b>	<b><u>17.363.216</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") bằng 20% trên thu nhập chịu thuế (2023: 20%).

Các công ty con của Công ty tại Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và tại Vương quốc Campuchia có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế cho các hoạt động kinh doanh chính. Các công ty con này cũng được hưởng ưu đãi, miễn, giảm thuế TNDN theo các GCNĐKKD, Giấy phép Đầu tư tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 29.1 Chi phí thuế TNDN

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Chi phí thuế TNDN hiện hành	233.893	190.425
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	<u>(2.203.591)</u>	<u>(15.151.342)</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>(1.969.698)</u></b>	<b><u>(14.960.917)</u></b>

Dưới đây là đối chiếu giữa thu nhập chịu thuế và kết quả của lỗ kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
<b>Tổng lỗ kế toán trước thuế</b>	<b><u>(365.478.734)</u></b>	<b><u>(262.054.230)</u></b>
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		
Các khoản lỗ của các công ty con	445.121.394	279.088.563
Các khoản chi phí không được trừ	1.377.719	1.018.159
Thay đổi lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	(1.564.283)	(4.266.108)
Lãi từ công ty liên kết	(11.162.768)	(14.959.318)
Chênh lệch lãi vay nội bộ ở khía cạnh hợp nhất	(24.268.443)	3.114.014
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(48.125.649)	(2.713.372)
Cán trừ lỗ kỳ trước	-	(4.796.947)
Các khoản khác	<u>5.270.229</u>	<u>6.521.364</u>
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính</b>	<b><u>1.169.465</u></b>	<b><u>952.125</u></b>
Thuế TNDN hiện hành ước tính	233.893	190.425
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính</b>	<b><u>233.893</u></b>	<b><u>190.425</u></b>
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	10.426.679	9.230.386
Thuế TNDN trả trong kỳ	(35.446)	-
Chênh lệch tỷ giá	<u>473.364</u>	<u>16.182</u>
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b><u>11.098.490</u></b>	<b><u>9.436.993</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**29.2 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lỗ kế toán được trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

**29.3 Thuế thu nhập hoãn lại**

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong kỳ thể hiện như sau:

	Ngàn VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</b>				
Chênh lệch lãi vay nội bộ ở khía cạnh hợp nhất	58.776.488	56.249.581	2.526.907	4.456.157
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	40.428.732	40.752.048	(323.316)	(9.304.815)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>99.205.220</b>	<b>97.001.629</b>	<b>2.203.591</b>	<b>(4.848.658)</b>
<b>Thuế TNDN hoãn lại phải trả</b>				
Dự phòng khoản đầu tư vào công ty con	-	-	-	20.000.000
<b>Thu nhập thuế TNDN hoãn lại</b>			<b>2.203.591</b>	<b>15.151.342</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và giao dịch trọng yếu với Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch HĐQT
Ông Đoàn Nguyên Đức	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Trần Bảo Sơn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Phi	Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Thành viên HĐQT
THACO	Cổ đông lớn, công ty có cùng thành viên HĐQT
Thaco Agri	Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH Giao Nhận Vận Chuyển Quốc Tế Trường Hải ("Thilogi")	Công ty có cùng thành viên HĐQT
HAG	Cổ đông lớn, công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH MTV Daun Penh Agrico ("Daun Penh")	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh An Đông Meas ("HA Andong Meas")	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat ("HA Lumphat")	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH MTV Cây ăn trái Thagrigo Cao Nguyên ("Thagrigo Cao Nguyên")	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH MTV Chăn Nuôi Bò Trung Nguyên ("Bò Trung Nguyên")	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH Giao nhận Vận chuyển Ô tô và Linh kiện phụ tùng Thilogi ("Giao nhận Thilogi")	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH Công Nông Nghiệp Thadico ("Thadico")	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH MTV Tổ hợp Cơ khí Thaco Chu Lai ("Cơ khí Chu Lai")	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH Sản xuất Bao bì Thaco Chu Lai ("Thaco Bao bì")	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH Sản xuất Nhựa công nghiệp Thaco ("Thaco Nhựa công nghiệp")	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH Phân phối Thaco Auto ("Thaco Phân phối")	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị Chuyên dụng Thaco ("Thaco Thiết bị Chuyên dụng")	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH Cơ điện lạnh Thaco Industries ("Thaco ID M&E")	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Eastern Rubber Co., Ltd (Cambodia) ("Eastern Rubber")	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH Vận chuyển hàng hóa nông nghiệp Thilogi ("Nông nghiệp Thilogi")	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Bidiphar	Công ty liên kết





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng ngày 30 tháng 6 năm 2023
Thaco Agri	Vay	1.035.850.000	608.700.000
	Cần trừ công nợ	412.945.364	-
	Lãi vay	237.357.855	182.558.014
	Mua vật tư, hàng hóa và dịch vụ	167.173.987	246.181.111
	Trả gốc vay	135.400.000	46.700.000
	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	129.141.381	266.977.626
	HA Andong Meas	Bù trừ nợ gốc vay	145.370.244
	Cho vay	101.685.126	-
	Thu tiền cho mượn	22.450.920	-
	Cho mượn vật tư	-	1.063.638
Daun Penh	Bù trừ nợ gốc vay	94.037.261	-
	Cần trừ công nợ	79.520.500	39.282.368
	Cho vay	30.619.371	-
Eastern Rubber	Bù trừ nợ gốc vay	135.057.275	-
	Cho vay	33.380.397	-
Bò Trung Nguyên	Mua tài sản	105.846.417	-
Thaco ID M&E	Mua hàng hóa và dịch vụ	107.850.545	-
	Cho mượn	2.265.674	-
HA Lumphat	Bù trừ nợ gốc vay	34.485.698	9.490.536
	Cho vay	13.453.396	-
Thaco Thiết bị Chuyên dụng	Mua vật tư, hàng hóa và dịch vụ	4.476.165	-
Thaco Bao Bì	Mua vật tư và hàng hóa	3.538.257	-
Cơ khí Chu Lai	Mua vật tư và hàng hóa	2.433.314	58.131.045
Thadico	Chi hộ	2.010.130	1.907.800
Thaco Nhựa Công Nghiệp	Mua vật tư và hàng hóa	836.287	-
Thilogi	Mua dịch vụ	-	2.510.691

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Ngân VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 5)</b>			
Thaco Agri	Bán hàng hóa	3.195.892	-
Khác	Bán hàng hóa	2.098	69.660
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>3.197.990</b>	<b>69.660</b>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 6)</b>			
Thaco ID M&E	Mua hàng hóa	632.702	604.065
Thaco Agri	Mua hàng hóa	-	199.234.120
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>632.702</b>	<b>199.838.185</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác (TM số 7)</b>			
Thaco Agri	Cần trừ công nợ	71.919.180	71.725.934
Thadico	Cần trừ công nợ	15.942.758	13.231.785
Thaco ID M&E	Cho mượn	4.106.299	1.632.420
Nông nghiệp Thilogi	Cho mượn	1.294.696	293.395
Khác	Khác	224.858	390.369
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>93.487.791</b>	<b>87.273.903</b>
<b>Phải thu về cho vay dài hạn (TM số 10)</b>			
Eastern Rubber	Cho vay	-	94.665.533
HA Andong Meas	Cho vay	-	69.309.105
Daun Penh	Cho vay	-	58.609.466
HA Lumphat	Cho vay	-	19.363.171
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>-</b>	<b>241.947.275</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 17)</b>			
Thaco Agri	Mua vật tư và dịch vụ	255.730.503	12.423.013
Bò Trung Nguyên	Mua tài sản và máy móc thiết bị	259.403.837	145.629.572
Thaco ID M&E	Mua vật tư	70.523.035	56.481.675
Thaco Phân phối	Mua vật tư	37.055.119	30.365.310
Thaco Thiết bị Chuyên dụng	Mua vật tư	16.832.281	14.037.714
Thaco Nhựa công nghiệp	Mua vật tư	10.796.889	64.289.740
Thaco Bao bì	Mua vật tư	7.368.521	52.653.851
Giao nhận Thilogi	Mua vật tư và dịch vụ	-	7.344.008
Khác	Mua vật tư	19.703.334	13.922.105
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>677.413.519</b>	<b>397.146.988</b>
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn (TM số 18)</b>			
Thaco Agri	Ứng tiền mua trái cây	935.039.269	1.511.858.061
<b>Chi phí phải trả ngắn hạn (TM số 19)</b>			
Thaco Agri	Lãi vay	808.267.346	571.037.891
	Mua hàng	129.001	-
HAG	Lãi vay	11.256.178	10.786.453
Thilogi	Mua dịch vụ	156.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>819.808.525</b>	<b>581.824.344</b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác (TM số 20)</b>			
Thaco Agri	Cần trừ công nợ	19.211.864	17.691.076
HA Andong Meas	Cần trừ công nợ	4.653.827	109.190
Khác	Khác	700.399	582.092
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>24.566.090</b>	<b>18.382.358</b>
<b>Phải trả dài hạn khác (TM số 20)</b>			
Cơ khí Chu Lai	Chi hộ	7.698.845	-
Thaco Agri	Chi hộ	1.683.400	1.583.590
Daun Penh	Chi hộ	-	8.508.878
Khác	Khác	393.406	356.419
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>9.775.651</b>	<b>10.448.887</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Vay ngắn hạn (TM số 21.2 và TM số 21.3)</b>			
Thaco Agri	Vay	6.354.304.588	3.549.936.981
HAG	Vay	1.123.079.951	1.117.305.199
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>7.477.384.539</b>	<b>4.667.242.180</b>
<b>Vay dài hạn (TM số 21.3)</b>			
Thaco Agri	Vay	-	1.904.917.607

Thu nhập (bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác) cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc như sau:

Tên	Chức vụ	Ngàn VND	
		Thu nhập	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
<b>Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc</b>			
Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch	-	-
Ông Đoàn Nguyên Đức	Phó chủ tịch	-	64.800
Ông Trần Bảo Sơn	Thành viên/ Tổng Giám đốc	-	-
Ông Nguyễn Hoàng Phi	Thành viên/ Phó Tổng Giám Đốc	-	-
Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Thành viên	-	-
<b>Ban Kiểm soát</b>			
Ông Bùi Minh Khoa	Trưởng ban	-	-
Ông Đặng Công Trực	Thành viên	-	-
Bà Bùi Thị Liễu	Thành viên	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>-</b>	<b>64.800</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. CÁC CAM KẾT**

***Cam kết thuê hoạt động***

Nhóm Công ty thuê đất tại Lào và Campuchia để xây dựng nhà xưởng, khách sạn, trồng cây cao su và các loại cây trồng khác và thuê văn phòng theo hình thức thuê hoạt động. Tiền thuê cam kết theo các hợp đồng thuê này như sau:

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Đến 1 năm	19.748.780	18.517.999
Từ 1 đến 5 năm	81.258.876	77.088.808
Trên 5 năm	691.362.997	670.053.113
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>792.370.653</b>	<b>765.659.920</b>

***Cam kết bảo lãnh***

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Nhóm Công ty đang dùng các quyền thuê đất của Nhóm Công ty để đảm bảo cho khoản trái phiếu của HAG tại BIDV. Chi tiết như sau:

- Quyền thuê phát sinh theo hợp đồng thuê đất, tài sản gắn liền với đất trên diện tích đất 4.852,74 ha tại Tỉnh Attapeu và Tỉnh Sekong, Lào thuộc sở hữu của HAQM Lào;
- Quyền thuê phát sinh theo hợp đồng thuê đất, tài sản gắn liền với đất trên diện tích đất 4.733,01 ha (trồng cao su) và 3.155,79 ha (trồng cọ dầu) tại Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của HA Attapeu;
- Quyền thuê phát sinh theo hợp đồng thuê đất, tài sản gắn liền với đất trên diện tích đất 1.960,91 ha tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Heng Brothers; và
- Quyền thuê phát sinh theo hợp đồng thuê đất, tài sản gắn liền với đất trên diện tích đất 3.283,66 ha tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của CRD.

***Dự phòng bảo hành dự án xây dựng sân bay***

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Nhóm Công ty đang tiếp tục thực hiện và hoàn thiện các hạng mục còn lại của sân bay Quốc tế Nongkhang tại Tỉnh Huaphan, nước Cộng hòa Dân chủ - Nhân dân Lào. Nhóm Công ty chưa ghi nhận khoản dự phòng bảo hành cho các dự án này, vì dự án chưa được quyết toán hoàn thành.

***Cam kết góp vốn***

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Nhóm Công ty có khoản cam kết với số tiền là 400.000.000 USD liên quan đến việc đầu tư góp vốn vào Nam Lào, nhằm thực hiện dự án đầu tư sản xuất trồng trọt cây ăn trái kết hợp chăn nuôi bò quy mô lớn tại tỉnh Attapeu và tỉnh Sekong, Lào

**32. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Các loại ngoại tệ:		
- LAK	5.526.254.712	711.848.031
- KHR	788.733.229	1.282.589.474
- USD	99.449	962.223

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty được xác định theo địa điểm của tài sản của Nhóm Công ty. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Nhóm Công ty.

#### 33.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Nhóm Công ty được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm các bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

- ▶ Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp: trồng cao su, trái cây, thu hoạch, chế biến và bán mủ cao su và các loại cây trồng khác; và
- ▶ Thương mại và dịch vụ: dịch vụ xây dựng, mua bán và vận chuyển hàng hóa.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích. Thành tích của các bộ phận được đánh giá dựa trên kết quả lãi lỗ mà trên một số khía cạnh, như được trình bày trong bảng dưới đây, được đo lường khác với kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Nguồn tài trợ, bao gồm thu nhập và chi phí từ hoạt động tài chính; và thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý tập trung ở cấp độ Nhóm Công ty chứ không phân bổ cho các bộ phận.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

## Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

#### 33.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Nông nghiệp	Thương mại và dịch vụ	Loại trừ	Ngàn VND
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>				
<i>Doanh thu</i>				
Từ khách hàng bên ngoài	276.250.857	2.177.021	-	278.427.878
Giữa các bộ phận	37.300.032	168.461.626	(205.761.658)	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>313.550.889</b>	<b>170.638.647</b>	<b>(205.761.658)</b>	<b>278.427.878</b>
<i>Kết quả hoạt động kinh doanh</i>				
Kết quả của bộ phận				(88.702.494)
Chi phí hoạt động	167.494.975	(50.221.577)	(205.975.892)	(36.174.945)
Lỗ trước thuế, doanh thu tài chính và chi phí tài chính				(124.877.439)
Doanh thu tài chính				17.623.314
Chi phí tài chính				(169.759.423)
Chia lãi từ công ty liên kết				14.959.318
Lỗ kế toán trước thuế				(262.054.230)
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(190.425)
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại				15.151.342
<b>Lỗ thuần trong kỳ</b>				<b>(247.093.313)</b>
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>				
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>				
Tài sản của bộ phận	10.546.483.302	3.209.849.972	-	13.756.333.274
Đầu tư vào công ty liên kết	339.446.064	-	-	339.446.064
<b>Tổng tài sản</b>				<b>14.095.779.338</b>
Nợ phải trả của bộ phận	(11.082.184.053)	(757.888.314)	-	(11.840.072.367)
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>(11.840.072.367)</b>

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

### 33.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Nông nghiệp	Thương mại và dịch vụ	Loại trừ	Ngàn VND Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</b>				
<i>Doanh thu</i>				
Từ khách hàng bên ngoài	145.179.809	1.990.883	-	147.170.692
Giữa các bộ phận	39.513.675	176.659.366	(216.173.041)	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>184.693.484</b>	<b>178.650.249</b>	<b>(216.173.041)</b>	<b>147.170.692</b>
<i>Kết quả hoạt động kinh doanh</i>				
Kết quả của bộ phận	176.864.797	(223.263.845)	(216.173.041)	(262.572.089)
Chi phí hoạt động				(16.344.838)
Lỗ trước thuế, doanh thu tài chính và chi phí tài chính				(278.916.927)
Doanh thu tài chính				63.165.079
Chi phí tài chính				(160.889.654)
Chia lãi trong công ty liên kết				11.162.768
Lỗ kế toán trước thuế				(365.478.734)
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(233.893)
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại				2.203.591
<b>Lỗ thuần trong kỳ</b>				<b>(363.509.036)</b>
<b>Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024</b>				
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>				
Tài sản của bộ phận	13.683.286.329	1.521.253.948	-	15.204.540.277
Đầu tư vào công ty liên kết	350.608.832	-	-	350.608.832
<b>Tổng tài sản</b>				<b>15.555.149.109</b>
<i>Nợ phải trả của bộ phận</i>				
Nợ phải trả của bộ phận	(11.713.205.510)	(1.445.075.568)	-	(13.158.281.078)
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>(13.158.281.078)</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN** (tiếp theo)

**33.2 Bộ phận theo khu vực địa lý**

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản, công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty như sau:

	Việt Nam	Lào	Campuchia	Ngân VND Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>				
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	266.996.029	1.333.529	10.098.320	278.427.878
Chi phí hình thành tài sản cố định	-	44.169.039	396.813.512	440.982.551
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>				
Các thông tin bộ phận khác	3.355.063.357	8.657.948.215	1.743.321.702	13.756.333.274
Tài sản bộ phận	339.446.064	-	-	339.446.064
Đầu tư vào công ty liên kết	<b>3.694.509.421</b>	<b>8.657.948.215</b>	<b>1.743.321.702</b>	<b>14.095.779.338</b>
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</b>				
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	127.469.682	1.788.724	17.912.286	147.170.692
Chi phí hình thành tài sản cố định	-	(114.606.182)	(89.866.276)	(204.472.458)
<b>Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024</b>				
Các thông tin bộ phận khác	1.784.824.215	11.282.485.914	2.137.230.148	15.204.540.277
Tài sản bộ phận	350.608.832	-	-	350.608.832
Đầu tư vào công ty liên kết	<b>2.135.433.047</b>	<b>11.282.485.914</b>	<b>2.137.230.148</b>	<b>15.555.149.109</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**34. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Vào ngày 9 tháng 8 năm 2024, SGDCKHCM đã ban hành Quyết định số 488/QĐ-SGDHCM về việc hủy niêm yết cổ phiếu của Công ty. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Công ty đang làm việc với SGDCKHCM để thực hiện quyết định này.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.



Nguyễn Văn Tiên  
Người lập



Đỗ Vũ Hải Hà  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Phi  
Phó Tổng Giám đốc



Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024